

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **/2024/TLST- HNGĐ ngày ** tháng * năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **N V T**, sinh năm ****

Trú tại: ĐN, AT, HĐ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **N Thị T**, sinh năm ****

Trú tại: ĐN, AT, HĐ, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày ** tháng * năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ** tháng * năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **N V T** và chị **N Thị T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung:* Giao cháu **N Văn H**, sinh ngày */*/**** cho chị **N Thị T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Chị **N Thị T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh **T** tự nguyện thực hiện.

Anh N V T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung (tài sản, công sức, công nợ):* Anh N V T và chị N Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh N V T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh N V T đã nộp theo biên lai số **** ngày */*/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức. Trả lại anh N V T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND. Thành phố Hà Nội;
- VKSND.H.Hoài Đức;
- UBND AT, HĐ, HN
(GCNKH số **/****)
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Anh